

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2023
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hùng;
2. Bà Trương Thị Kim Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 905/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 346/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1956.

Địa chỉ: thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà N có yêu cầu xử vắng mặt, ông T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1980 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống được 04 năm đến năm 1984 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã và ly thân từ năm 1984 cho đến nay. Thời gian xa cách đã lâu, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà N khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Tấn T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thanh Tr, sinh năm 1982 và Huỳnh Thanh Đ, sinh năm 1984. Do con chung đã trưởng thành nên khi ly hôn bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Huỳnh Tấn T vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Theo Quyết định số 16/2021/QĐST-DS ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông Huỳnh Tấn T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho ông Huỳnh Tấn T theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T vắng mặt không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông Huỳnh Tấn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của bà N và xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà N do bận nhiều việc nên có đơn đề nghị xử vắng mặt. Tòa án quyết định xử vắng mặt nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Tấn T, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N bận công việc nên có đơn đề nghị xử vắng mặt; ông Huỳnh Tấn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo quy định khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T:

Bà N cho rằng bà cùng ông T chung sống như vợ chồng từ năm 1980, không có đăng ký kết hôn. Việc bà N trình bày chung sống với ông T từ năm 1980 không có gì chứng minh nhưng căn cứ giấy khai sinh của UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Long An thể hiện có con chung là Huỳnh Thanh Tr sinh ngày 21/9/1982. Từ đó, Tòa án có căn cứ xác định giữa bà N và ông T đã chung sống với nhau từ năm 1980 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét hôn nhân của bà N và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1980 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn và có con chung nên hôn nhân của bà N và ông T là hôn nhân thực tế. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T được pháp luật công nhận là vợ chồng theo điểm a khoản 3 Nghị

Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T: Bà N trình bày vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã và ly thân từ năm 1984 cho đến nay và bà cương quyết ly hôn. Hơn nữa, ông T đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ năm 1984 cho đến nay, gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi và bằng nhiều biện pháp nhưng không có kết quả. Từ đó, Hội đồng xét xử xét hôn nhân giữa bà N với ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu xin ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: Bà N và ông T có 02 con chung tên Huỳnh Thanh Tr, sinh năm 1982 và Huỳnh Thanh Đ, sinh năm 1984. Do con chung đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Huỳnh Tấn T vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa bà N và ông T có phát sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[4]. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, 14, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N xin ly hôn với ông Huỳnh Tấn T.

Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Huỳnh Tấn T.

2. Về con chung: Con đã trưởng thành không đề cập giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N được miễn nộp án phí ly hôn.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND Thị trấn A (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Linh Duy